

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HS - ST

Ngày 17/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Nông Hữu Thái;

2/ Ông Đỗ Trung Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Mai Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLHS - ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Lục Văn Th; tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 9 năm 1991; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Ph, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lục Văn H và bà: Hoàng Thị B; vợ: Long Bích Ng; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án (Ngày 31/7/2018, Lục Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 28/9/2019, chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành khoản án phí và bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn từ ngày 13/02/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1991.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn Ch, xã Th, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6 năm 2021, khi Lục Văn Th đang làm thuê (lái máy xúc) tại công trình kè Sông Cầu thuộc xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thì có quen biết anh Phạm Văn Đ (Sinh năm 1991, trú tại thôn Ch, xã Th, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn, là người làm cùng tại công trình). Qua những lần đi chơi, uống rượu với nhau, anh Đ có nói cho Th biết là đang có ý định mua một chiếc máy xúc để làm ăn nhưng chưa đủ tiền. Sáng ngày 14/12/2021, Th đón xe ô tô khách từ thành phố B đi Hà Nội chơi, trên đường đi Th nhớ đến việc trước đó anh Đ nói là muốn mua máy xúc, nghĩ là anh Đ có tiền nên Th đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Đ. Th gọi điện thoại cho anh Đ giả vờ hỏi “có muốn góp tiền để mua máy xúc không?” thì anh Đ trả lời là “Hiện nay em không có nhiều tiền, chỉ có khoảng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thôi” (Lúc này anh Đ đang ở khu vực phường X, thành phố B). Th tiếp tục nói “Có bao nhiêu thì góp bấy nhiêu” thì anh Đ đồng ý. Sau đó, Th nói dối anh Đ là “Đang đi xem máy rồi, hiện nay còn thiếu 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nữa là đủ”. Để anh Đ thêm tin tưởng là Th đang đi xem máy xúc thật, Th đã dùng điện thoại di động truy cập vào mạng Internet tìm những hình ảnh liên quan đến máy xúc rồi tải những bức ảnh này về điện thoại, sau đó gửi ảnh cho anh Đ qua ứng dụng Messenger, đồng thời Th nhắn tin gửi số tài khoản 39510000466804 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Bắc Kạn, mang tên LUC VAN TH và bảo anh Đ chuyển tiền cho Th để mua máy xúc. Thấy Th gửi những hình ảnh như vậy, anh Đ tin tưởng nên đồng ý cùng góp tiền mua máy xúc và chuyển số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) qua ứng dụng “Lienviet24h” đến số tài khoản 39510000466804 cho Th. Do chưa nhận đủ tiền nên Th tiếp tục nhắn tin lấy nhiều lý do khác nhau để yêu cầu anh Đ tiếp tục chuyển tiền. Đến chiều ngày 14/12/2021, anh Đ tiếp tục chuyển cho Th số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cũng bằng hình thức chuyển khoản qua ứng dụng “Lienviet24h” đến số tài khoản 39510000466804. Đến buổi tối cùng ngày, Th tiếp tục dùng điện thoại nhắn tin cho anh Đ nói dối là “Nếu không chuyển đủ tiền thì người ta không cho mang máy về”. Do lúc này chưa có tiền ngay nên anh Đ đã hẹn với Th là đến sáng ngày hôm sau sẽ chuyển số tiền còn lại. Sáng ngày 15/12/2021, anh Đ đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Kạn nộp số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) vào số tài khoản 39510000466804 của Th. Sau khi nhận được tiền, Th có nhắn tin cho anh Đ xác nhận việc đã nhận tổng số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu đồng), tuy còn thiếu 3.000.000 đồng (Ba

triệu đồng) so với số tiền đã báo cho anh Đ nhưng Th không yêu cầu anh Đ phải chuyển thêm tiền mà bảo anh Đ tìm chỗ để máy xúc, hẹn đến chiều tối ngày 15/12/2021 sẽ mang máy xúc về đến thành phố B. Sau đó, Th không quay về địa phương, không liên lạc với anh Đ và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) chiếm đoạt của anh Đ.

Anh Đ chờ đến khoảng 18 giờ cùng ngày vẫn chưa thấy Th mang máy xúc về đến thành phố B nên đã dùng điện thoại gọi và nhắn tin để hỏi xem Th đã về đến đâu nhưng đều không liên lạc được. Do không liên lạc được với Th nên anh Đ đã nhiều lần vào xã Ph, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn để tìm Th nhưng đến ngày 11/7/2022 mới gặp được Th, giữa anh Đ và Th đã thỏa thuận trong thời gian 50 ngày (tính từ ngày 11/7/2022) Th phải trả lại toàn bộ số tiền 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) cho anh Đ. Tuy nhiên, hết thời hạn như đã thỏa thuận Th vẫn không trả lại số tiền trên và không liên lạc với anh Đ, nên ngày 18/10/2022 anh Đ đến Cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

* Về vật chứng: Các vật chứng được nhập kho, bảo quản theo quy định gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, loại màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng bên trong có 02 (hai) sim số thuê bao là 0365.220.540 và 0971.003.280; 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh, cũ đã qua sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn Đ yêu cầu Lục Văn Th bồi thường số tiền 37.000.000 đ (Ba mươi bảy triệu đồng), bị cáo nhất trí với mức bồi thường trên nhưng chưa thực hiện được việc bồi thường.

Quá trình điều tra bị cáo Lục Văn Th đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT - VKSTP ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lục Văn Th về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Lục Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lục Văn Th từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/02/2023.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lục Văn Th phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Phạm Văn Đ số tiền là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tạm giữ của bị cáo Lục Văn Th: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, loại màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có 02 (hai) sim số thuê bao là 0365.220.540 và 0971.003.280; 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh, cũ đã qua sử dụng, để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lục Văn Th thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Bị hại anh Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn nói rõ yêu cầu bị cáo Lục Văn Th phải bồi thường cho anh Đ số tiền là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lục Văn Th thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Ngày 14/12/2021, sau khi biết anh Phạm Văn Đ đang có ý định mua máy xúc để làm ăn nhưng không đủ tiền, Lục Văn Th đã nảy sinh ý định rồi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Đ thông qua việc đưa ra thông tin gian dối là Th đang đi tìm mua máy xúc và rủ anh Đ cùng góp tiền để mua. Do tin tưởng thông tin do Th đưa ra là thật nên trong các ngày 14 và 15/12/2021, anh Phạm Văn Đ đã 03 (ba) lần chuyển tiền vào tài khoản cho Lục Văn Th với tổng số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Sau đó, Th đã bỏ đi khỏi địa phương và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 31/7/2018, Lục Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 28/9/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra xác định ngày 31/7/2018, Lục Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12

tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 28/9/2019, chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành khoản án phí và bồi thường dân sự nên tính đến ngày 14/12/2021 chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành một mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là **37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng)**. Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Văn Đ toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của anh Đ là **37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng)**.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, loại màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có 02 (hai) sim số thuê bao là 0365.220.540 và 0971.003.280; 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh, cũ đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Lục Văn Th. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lục Văn Th** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lục Văn Th** 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/02/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Lục Văn Th** phải bồi thường **thiệt hại về tài sản cho anh Phạm Văn Đ với số tiền là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng)**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tạm giữ của bị cáo **Lục Văn Th** : 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, loại màn hình cảm ứng, mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 861428053345493, số IMEI 2: 861428053345485, bên trong có 02 (hai) sim số thuê bao là 0365.220.540 và 0971.003.280; 01 (một) chiếc ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh, cũ đã qua sử dụng, kích thước 7,5 x 16,5 cm, để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo **Lục Văn Th** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- THADS TP B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

